

Bản án số:62/2018/DS-PT.

Ngày:02/4/2018

V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Minh Trang

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Tấn

Bà Nguyễn Thị Cẩm Thu

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phan Thị Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang:* Ông Cao Phương Bình
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 05 tháng 02 năm 2018 và ngày 02 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 191/2017/TLPT-DS ngày 27 tháng 11 năm 2017 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 46/2017/DS-ST ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện UMT, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 269/2017/QĐPT-DS ngày 22 tháng 12 năm 2017 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 04/2018/QĐ-PT ngày 05/02/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại cổ phần KL.

Trụ sở chính: Số 40-42-44 Phạm HT, phường TV, Thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Thái D, sinh năm 1982 - chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần KL - phòng giao dịch VT là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (giấy ủy quyền ngày 28/9/2015) (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà **Phạm Mỹ P, sinh năm 1972 và ông **Tạ Minh K**, sinh năm 1967**

(chồng bà P) .

(Bà Phạm Mỹ P bị Tòa án tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự nên ông Tạ Minh K là người giám hộ đương nhiên cho bà Phạm Mỹ P).

Cùng trú tại: ấpMT A, xã MT, huyện UMT, tỉnh Kiên Giang.

(Ông K vắng mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông **Phạm D**, sinh năm 1950 (có mặt).

2. Bà **Trần Thị D1**, sinh năm 1953 (vợ ông D) (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Cùng trú tại: ấp TT, xã Tạ An Khương Đ, huyện ĐĐ, tỉnh Cà Mau.

NỘI D1 VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 28/9/2015 của nguyên đơn và các lời khai tại Tòa án của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Thái D trình bày:

Trong năm 2013 vợ chồng bà Phạm Mỹ P và ông Tạ Minh K (gọi tắt là bà P và ông K) có ký 03 hợp đồng tín dụng vay của Ngân hàng thương mại cổ phần KL (gọi tắt là Ngân hàng KL) với tổng số tiền là 700.000.000 đồng, cụ thể:

1. Hợp đồng tín dụng số NH0429.01/HĐTD ngày 14/01/2013.

Số tiền là 250.000.000 đồng. Mục đích vay là để bổ sung vốn trồng mía. Giải ngân ngày 15/01/2013, thời hạn vay 24 tháng, ngày đến hạn là 15/01/2015. Lãi suất 1,55%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trước thời điểm quá hạn. Hình thức thanh toán: Lãi trả làm 04 lần và gốc trả cuối kỳ.

Tài sản thế chấp đảm bảo cho Hợp đồng tín dụng NH0429.01/HĐTD là quyền sử dụng đất có diện tích 36.733,40m² tọa lạc ấpMT A, xã Minh Thuận, huyện UMT, tỉnh Kiên Giang, thuộc tờ bản đồ số 23, thửa số 23, 56, 113, theo giấy chứng nhận QSD đất số AB 096774, do UBND huyện UMT cấp cho bà Phạm Mỹ P ngày 12/3/2012. Hợp đồng thế chấp được công chứng và đăng ký giao dịch đảm bảo tại Văn phòng đăng ký QSD đất huyện UMT (nay là Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện UMT).

Tính đến ngày 16/8/2017 vợ chồng bà P và ông K còn nợ Ngân hàng KL tiền vay gốc là 250.000.000 đồng, tiền lãi 88.167.361 đồng, lãi chậm trả 108.279.812 đồng, quá hạn gốc 155.202.083 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 601.649.256 đồng.

2. Hợp đồng tín dụng số TL0892/HĐTD ngày 27/02/2013.

Số tiền vay là 250.000.000 đồng. Mục đích vay là để bổ sung vốn trồng mía. Giải ngân ngày 01/3/2013, thời hạn vay 24 tháng, ngày đến hạn 01/3/2015. Lãi suất trong hạn 1,55%/tháng, lãi suất quá hạn 150% lãi suất cho vay ngay trước thời điểm quá hạn. Hình thức thanh toán: Lãi trả làm 4 lần và gốc trả cuối kỳ.

Tài sản thế chấp đảm bảo cho hợp đồng tín dụng số TL0892/HĐTD là quyền sử dụng đất diện tích 37.287,40m² tọa lạc ấpMT A, xã Minh Thuận, huyện UMT, tỉnh Kiên Giang, thuộc tờ bản đồ số 23, thửa số 20, 52, 106 theo giấy chứng nhận QSD đất số AB 096765 do UBND huyện UMT cấp cho bà Phạm Mỹ P ngày 12/3/2012. Hợp đồng thế chấp được công chứng và đăng ký giao dịch đảm bảo tại Văn phòng đăng ký QSD đất huyện UMT theo đúng quy định pháp luật.

Tính đến ngày 16/8/2017 vợ chồng bà P và ông K còn nợ Ngân hàng KL tiền vay gốc là 250.000.000 đồng, tiền lãi 87.528.472, lãi chậm trả 103.680.421 đồng, quá hạn gốc 148.125.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi 589.333.893 đồng.

3. Hợp đồng tín dụng số TL1109/HĐTD ngày 30/12/2013 .

Số tiền vay là 200.000.000 đồng. Mục đích vay là để bổ sung vốn trồng mía. Giải ngân vào ngày 31/12/2013, thời hạn vay 24 tháng, ngày đến hạn 31/12/2015. Lãi suất trong hạn 14,40%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất cho vay ngay trước thời điểm quá hạn. Hình thức thanh toán: Lãi trả làm 4 lần, gốc trả cuối kỳ.

Tài sản thế chấp bảo đảm nợ vay cho hợp đồng tín dụng số TL1109/HĐTD ngày 30/12/2013 là quyền sử dụng đất diện tích 36.880,20m² tọa lạc ấpMT A, xã Minh Thuận, huyện UMT, tỉnh Kiên Giang, thuộc tờ bản đồ số 23, thửa số 15, 46, 96 theo giấy chứng nhận QSD đất số BN531020, do UBND huyện UMT cấp cho bà Phạm Thị Gấm ngày 28/10/2013 (bà Gấm đã tặng cho bà Phạm Mỹ P được Văn phòng đăng ký QSD đất huyện UMT xác nhận ngày 28/11/2013). Hợp đồng thế chấp được công chứng và đăng ký giao dịch đảm bảo tại Văn phòng đăng ký QSD đất huyện UMT theo đúng quy định pháp luật.

Tính đến ngày 16/8/2017 vợ chồng bà P, ông K còn nợ Ngân hàng KL tiền vay gốc là 200.000.000 đồng, tiền lãi là 57.653.500 đồng, lãi chậm trả 34.188.526 đồng, quá hạn gốc là 67.602.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 359.444.026 đồng. Trong quá trình vay ông K và bà P liên tục vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Không có trả vốn và lãi cho Ngân hàng KL theo hợp đồng tín dụng.

Nguyên đơn yêu cầu vợ chồng bà P, ông K phải trả tiền vay gốc và lãi của 03 hợp đồng tín dụng nêu trên với tổng số tiền là 1.550.427.175 đồng.

Bị đơn bà Phạm Mỹ P và ông Tạ Minh K vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Theo Quyết định số 01/2017/QĐDS- ST, ngày 23/5/2017 của Tòa án nhân dân huyện UMT tuyên bố bà Phạm Mỹ P mất năng lực hành vi dân sự. Nên ông K (chồng của bà P) là người giám hộ đương nhiên cho bà P. Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết, ông K được Tòa án triệu tập hợp lệ để hòa giải và xét xử đến lần thứ hai nhưng đều vắng mặt không có lý do.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Phạm D trình bày:

Bà P là con ruột ông Phạm D và bà Trần Thị D1 (gọi tắt là ôngD, bà D1). Vào năm 2013 vợ chồng bà P và ông K vay của Ngân hàng KL với số tiền là 700.000.000 đồng. Do thấy vợ chồng bà P, ông K không có khả năng trả nợ nên ngày 24/7/2017 vợ chồng ôngD, bà D1 thỏa thuận với Ngân hàng KL xin đứng ra trả nợ thay cho vợ chồng bà P, ông K với số tiền 1.537.000.000 đồng. Nhưng sau khi hòa giải vợ chồng ôngD, bà D1 thay đổi ý kiến.

Ông D yêu cầu Ngân hàng xem xét giảm lãi, đồng thời ngưng không tính lãi và cho vợ chồng ôngD trả nợ thành nhiều lần, vợ chồng ôngD sẽ đứng ra trả số nợ trên thay cho vợ chồng bà P, ông K.

Phần đất bà P thế chấp cho Ngân hàng KL hiện vợ chồng ôngD, bà D1 đang canh tác quản lý. Vợ chồng ôngD, bà D1 không có yêu cầu gì trong vụ án này. Nếu sau này Ngân hàng có phát mãi tài sản thì vợ chồng ôngD, bà D1 tìm cách mua lại.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 46/2017/DSST ngày 16/8/2017, Tòa án nhân dân huyện UMT, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần KL (người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Thái D) đối với bị đơn bà Phạm Mỹ P và ông Tạ Minh K (đồng thời là người giám hộ cho bà P) về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

2. Buộc bà Phạm Mỹ P và ông Tạ Minh K (đồng thời là người giám hộ cho bà P) chịu trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần KL (người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Thái D) số tiền 1.550.427.175 đồng (một tỷ năm trăm năm mươi triệu bốn trăm hai mươi bảy nghìn một trăm bảy mươi lăm đồng) và lãi phát sinh từ ngày 17/8/2017 theo hợp đồng tín dụng đã ký kết cho đến khi tất toán xong các khoản nợ.

3. Khi án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của Ngân hàng KL (người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Thái D) mà bên phải thi hành án không thi hành thì Ngân hàng KL (người đại diện theo ủy quyền ông Nguyễn Thái D) có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự huyện UMT phát mãi tài sản đảm bảo (theo 03 hợp đồng thế chấp tài sản số NH0429/HĐTC ngày 14/01/2013; TL 1109/HĐTC ngày 30/12/2013 và Hợp đồng thế chấp tài sản số TL0892/HĐTC ngày 27/02/2013) để thu hồi nợ.

4. Sau khi vợ chồng ông K, bà P (người giám hộ cho bà P là ông K) trả hết nợ cho Ngân hàng KL thì Ngân hàng KL (phòng giao dịch Vĩnh Thuận) có trách nhiệm trả lại cho vợ chồng ông K, bà P 02 bản chính giấy chứng nhận QSD đất số BA 096765 và BA 096774 do UBND huyện UMT cấp cho bà Phạm Mỹ P ngày 12/3/2012 và 01 bản chính giấy chứng nhận QSD đất số BN 531020 do UBND huyện UMT cấp cho bà Phạm Thị Gấm ngày 28/10/2015 (bà Phạm Thị Gấm đã tặng

cho bà Phạm Mỹ P theo đăng ký biến động ngày 28/11/2013 của Văn phòng đăng ký QSD đất huyện UMT), trừ trường hợp tài sản đảm bảo bị phát mãi.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và báo quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 28 tháng 8 năm 2017, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Phạm D và bà Trần Thị D1 có đơn kháng cáo với nội D1: Đề nghị cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm xem xét lại toàn bộ vụ án liên quan đến quyền và nghĩa vụ của vợ chồng ông bà trong vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo là ông Phạm D vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Ông D yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa ông với chị P giả mạo chữ ký của ông, hủy hợp đồng thế chấp tài sản giữa chị P với Ngân hàng KL. Đồng thời yêu cầu cấp phúc thẩm tính công sức của ông khi quản lý đất có trồng 600 cây dừa, hơn 1.500 cây chuối và công sức cải tạo đất nhưng cấp sơ thẩm chưa xem xét.

Nguyên đơn là Ngân hàng KL rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với việc tính tiền phạt chậm trả lãi số tiền 246.148.759 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang có ý kiến phát biểu:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của các đương sự tham gia tố tụng từ khi thụ lý phúc thẩm cho đến khi đưa vụ án ra xét xử đều chấp hành đúng theo các quy định tố tụng dân sự.

- Về nội D1 vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm đưa ông D và bà D1 tham gia tố tụng nhưng không tuyên buộc ông D, bà D1 giao diện tích đất cho Ngân hàng KL kê biên phát mãi nếu như bà P, ông K và vợ chồng ông D, bà D1 không thực hiện trả các khoản nợ đã vay. Như vậy sẽ không đảm bảo quyền lợi của Ngân hàng và sẽ khó thi hành bản án. Do đó, cần tuyên buộc vợ chồng ông D, bà D1 trong bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông D cho rằng diện tích đất bà P, ông K thế chấp vay tiền Ngân hàng, sau này ông bà quản lý sử dụng có trồng nhiều cây ăn trái như dừa, chuối,.. nhưng khi xét xử Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành xem xét thẩm định diện tích đất và định giá cây trồng mà ông cho rằng ông đầu tư hơn 02 tỷ đồng. Đại diện ngân hàng cũng thừa nhận vợ chồng ông D, bà D1 có trồng cây trên đất nhưng không nhiều. Tuy nhiên, các bên không xác định được giá trị cây trồng trên đất. Thiếu sót này cấp phúc thẩm không thể bổ sung được. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308, điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân huyện UMT, tỉnh Kiên Giang để điều tra xét xử lại.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến tranh luận của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: bị đơn là bà Phạm Mỹ P và ông Tạ Minh K đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị D1 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà P, ông K và bà D1.

[2]. Căn cứ theo hợp đồng tín dụng số NH04229-09/HĐTD ngày 14/01/2013, hợp đồng tín dụng số TL0892/HĐTD ngày 27/02/2013 và hợp đồng tín dụng số TL1109/HĐTD ngày 30/12/2013 thì vợ chồng bà P, ông K có vay của Ngân hàng KL tổng số tiền gốc là 700.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng tín dụng là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hợp đồng tín dụng được ký kết giữa ngân hàng KL với Bà P, ông K được công chứng đúng theo quy định của pháp luật. Thời điểm giao kết hợp đồng tín dụng thì bà P có đầy đủ năng lực hành vi dân sự. Do đó, việc giao kết hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng KL với vợ chồng bà P, ông K là hợp pháp. Từ khi vay tiền đến nay, bà P, ông K không trả tiền gốc và tiền lãi theo hợp đồng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà P, ông K phải trả tiền gốc và tiền lãi cho Ngân hàng KL là có căn cứ.

[3]. Xét kháng cáo của ông D và bà D1, Hội đồng xét xử thấy: tại phiên tòa phúc thẩm ông D yêu cầu hủy hợp đồng tặng cho tài sản giữa ông với bà P và hủy hợp đồng thế chấp tài sản với Ngân hàng KL. Thời điểm bà P, ông K thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất để vay tiền ngân hàng KL theo hợp đồng thì tài sản thế chấp thuộc quyền sử dụng của bà K do ông D và bà Gấm làm thủ tục tặng cho.

Trong quá trình tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án, ông D và bà D1 không khởi kiện độc lập yêu cầu xem xét hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất giữa vợ chồng ông với bà P nên cấp sơ thẩm không giải quyết trong vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm không có cơ sở xem xét yêu cầu kháng cáo này của ông D, bà D1.

[4]. Đối với kháng cáo của ông D về việc yêu cầu tính công sức của ông trong việc quản lý đất và giá trị cây trồng trên đất. Hội đồng xét xử thấy: tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm ông D cho rằng vợ chồng ông đang quản lý, sử dụng phần đất mà bà P, ông K thế chấp ngân hàng KL. Hiện ông D có trồng khoảng 600 cây dừa, các loại cây khác và cải tạo đất có giá trị khoảng 02 tỷ đồng. Đại diện ngân hàng KL cũng xác nhận sau khi thế chấp tài sản thì vợ chồng ông D là người quản lý, sử dụng đất và có trồng cây trên đất nhưng không xác định được là loại gì. Vấn đề này, cấp sơ thẩm không buộc vợ chồng ông D giao đất khi kê biên tài sản thế chấp và chưa xem xét thẩm định tại chỗ cũng như định giá giá trị tài sản phát sinh trên đất là có thiếu sót. Tại phiên tòa, đại diện ngân hàng KL và ông D không thỏa thuận được, cấp phúc thẩm không thể tách ra giải quyết thành vụ kiện khác do có ảnh hưởng đến

việc thi hành bản án tranh chấp hợp đồng tín dụng. Do cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên cần phải hủy bản án sơ thẩm giao về cho cấp sơ thẩm điều tra xét xử lại.

Tuy nhiên, thiếu sót này cũng có một phần xuất phát từ phía người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, trong quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm ông D, bà D1 không yêu cầu nên cấp sơ thẩm chưa xem xét.

[5]. Ngoài ra cấp sơ thẩm căn cứ vào Điều 4 của hợp đồng tín dụng về việc phạt chậm trả lãi vay để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngân hàng KL buộc bà P, ông K trả số tiền 246.148.759 đồng là không đúng theo quy định tại Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm đại diện ngân hàng KL đã rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền này nên đáng lẽ phải đình chỉ giải quyết nhưng do bản án sơ thẩm bị hủy để điều tra xét xử lại nên vấn đề này sẽ được giải quyết khi Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết lại vụ án.

[6]. Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông D và bà D1, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang. Hủy bản án sơ thẩm giao hồ sơ về Tòa án nhân dân huyện UMT, tỉnh Kiên Giang giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

[7]. Về án phí : Ông D, bà D1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn lại ông D, bà D1 tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự

1. Hủy bản án sơ thẩm số 46/2017/DS-ST ngày 16/8/2017 của Tòa án nhân dân huyện UMT, tỉnh Kiên Giang. Giao hồ sơ vụ án về cho Tòa án nhân dân huyện UMT, tỉnh Kiên Giang giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí: áp dụng Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Phạm D và bà Trần Thị D1 không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn lại cho ông D và bà D1 mỗi người 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006717 ngày 10/11/2017 và biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006655 ngày 28/8/2017 của Chi cục Thi án huyện UMT, tỉnh Kiên Giang.

Nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm sẽ được xem xét khi giải quyết sơ thẩm lại vụ án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện UMT;
- Chi cục THADS huyện UMT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Ngô Thị Minh Trang